

TRÍ THỨC VIỆT NAM - NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ ĐỂ LẠI

LÊ ĐÌNH CÚC*

Thiết tưởng không cần nêu vai trò, vị trí của trí thức trong xã hội và đặc biệt là “ Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế” bởi từ lâu Đảng và Nhà nước ta đã biết và rất coi trọng vấn đề này. “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” và ngày nay ai cũng biết, là thời đại của trí thức trong một thế giới phẳng; một thế giới nếu không có trí thức và đội ngũ trí thức thì xã hội không thể tồn tại chứ nói gì đến phát triển của mỗi đất nước, trong đó nước ta không là ngoại lệ.

Nhưng để xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng được đòi hỏi của đất nước trong thời kỳ mới chúng ta cần phải nhận diện cho được thực trạng đội ngũ trí thức của chúng ta hiện nay, trên cơ sở đó tìm ra những yêu cầu, những đòi hỏi và những tiêu chí cần có cho đội ngũ này mà cụ thể là cho từng cá nhân trí thức. Trí thức đã có lịch sử từ lâu trong mỗi dân tộc nhưng nó đã trở thành một tầng lớp trong xã hội với đầy đủ mọi yêu cầu và tiêu chí của nó cùng với thuật ngữ *trí thức* thì không phải là lâu lắm. Trong tiếng Việt thì *tri* đã có từ lâu nhưng nó chỉ có nghĩa là nhận biết *bất tri tam bách dư niên hậu* (Kiều-Nguyễn Du). Hội *tri tri* đầu thế kỷ XX... thuật ngữ *trí thức* ngày nay thực sự mới có ở thế kỷ XX, có người nói thuật ngữ *trí thức* vào Việt Nam là có nguồn gốc từ tiếng Nga hoặc Pháp. Nó ra đời khi thời đại đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt của khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Nghĩa là văn minh nhân loại đã phát triển rất cao. Đặc biệt là thời kỳ của công nghiệp hoá.

Cũng chính vì vậy trí thức trong xã hội có nơi, có lúc người ta gọi thêm định từ: *Giai tầng trí thức, tầng lớp trí thức* hoặc *đội ngũ trí thức*. Thực ra mỗi định danh từ *trí thức* bao hàm một phạm vi của nghĩa từ nhất định, trong đó cốt lõi là

* PGS.TS. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam

trí tuệ, trí thức. Cũng chính vì vậy nhiều người muốn có một tiêu chí nhất định cho danh từ này. Vậy thế nào là một trí thức? Là người hoạt động và lao động trí tuệ. Nhưng đến mức nào thì gọi là trí thức, bởi là người ai cũng có bộ não và hoạt động trí tuệ. Xét về bằng cấp chuyên môn được đào tạo? Đến trình độ nào, ông đồ hay thám hoa, bằng nhãn trở lên. Ngày nay tính từ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ: Những người có bằng cấp cao nhưng là chính khách, nhà quản lý hoặc từ bỏ chuyên môn đào tạo mà hoạt động kinh doanh, đầu khoán... nghĩa là phạm vi hoạt động không liên quan gì đến tri thức chuyên môn của mình, không còn sáng tạo nên giá trị văn hóa (vật chất và tinh thần) thì có gọi là trí thức hay không? Ngược lại rất nhiều người không qua trường lớp, không có bằng cấp nhưng lại có những đóng góp trí tuệ hết sức to lớn cho đời sống xã hội, họ lao động bằng trí tuệ, sáng tạo bằng trí tuệ, sản phẩm của họ đóng góp cho đất nước, cho nhân loại bằng trí tuệ thì có được gọi là trí thức hay không?

Lại có những người Việt Nam không sống trong nước vì nhiều lý do họ được chế độ cũ đào tạo nên, hoạt động trí tuệ, trong đó có hoạt động khoa học thuần túy thì có đạt tiêu chuẩn phục vụ Tổ quốc, phục vụ Chủ nghĩa xã hội (tức là ý thức hệ và thái độ chính trị) để định danh cho họ hay không?

Chắc chắn là có rất nhiều vấn đề phải nhận thức và phải giải quyết. Nhưng một điều cần thiết là phải xác định được những mặt mạnh, những mặt yếu của trí thức Việt Nam.

Ai cũng biết rằng trí thức mọi thời đại đều là tinh hoa vật chất và tinh thần của dân tộc ở thời đại đó. Ngày nay, trí thức Việt Nam đã khá đông đảo, nắm giữ trí thức nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học quân sự... và các khoa học khác. Đông đảo nhưng là so với lịch sử và của một đất nước nông nghiệp chậm phát triển với hơn 75% là nông dân chứ chưa thể so với các nước khác ngay cả trong khu vực chứ không thể so sánh với các nước phát triển.

Phần lớn, không nói là tuyệt đại đa số trí thức Việt Nam hiện nay thực chất, trong tận nguồn gốc, bản chất vẫn là người nông dân với tất cả những mặt mạnh, mặt yếu của nó. “Trong chúng ta ai cũng có một anh nhà quê” như Hoài Thanh đã nêu lên trong “Một thời đại trong thi ca” (Thi nhân Việt Nam).

Trí thức của chúng ta hiện nay đã ra đời từ đâu? Hiện nay, như thế nào?

Tiêu biểu và đại diện cho đội ngũ trí thức là những nhà khoa học và hoạt động khoa học có sáng tạo.

Trí thức của mỗi đất nước, mỗi dân tộc sinh ra là điều kiện khách quan, tất yếu của dân tộc đó. Ở các thời kỳ lịch sử trước đây, điều kiện lịch sử đặt ra như vậy, như không ai có quyền được lựa chọn Tổ quốc và cha mẹ của mỗi người.

Lịch sử, địa lý, môi trường chính trị xã hội của nước ta trong lịch sử đã bị quy định ngặt nghèo và tạo nên một nền văn hóa, văn minh đặc thù để rồi sản sinh ra đội ngũ trí thức như nó có. Trí thức Việt Nam trong lịch sử sẽ là điều kiện, lịch sử, truyền thống, tâm lý tạo nên đội ngũ trí thức ngày nay cả những

ưu điểm và nhược điểm, nó quyết định số lượng và chất lượng của đội ngũ trí thức ngày nay.

Đội ngũ trí thức Việt Nam trong lịch sử cho ta thấy, họ ra đời trong một xã hội phong kiến kéo dài, trong nền văn minh lúa nước với cộng đồng làng xã, trong nền giáo dục Khổng giáo và Nho học với văn hoá chủ yếu là Phật giáo và Nho giáo, trong một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu kéo dài. Những yếu tố đó tạo nên bản chất của trí thức Việt Nam không giống trí thức các nước khác: thiếu tinh thần phủ định khoa học, ý thức đấu tranh và phủ định của đạo Phật và văn hoá làng xã nông nghiệp tạo nên sức ỳ, trì trệ trong cuộc sống. Giai cấp cầm quyền chỉ muốn ổn định qua sự trì trệ, khối lượng trí thức vừa ít lại vừa thiếu, mục đích khoa học vì khoa học yếu, đội ngũ trí thức yếu, lại què quặt, những đỉnh cao của trí thức là những nhà khoa học hiếm hoi. Và trí thức Việt Nam trong lịch sử không tạo được một nền khoa học với đúng nghĩa của nó. Trong đó, khoa học thực nghiệm yếu ớt mà chỉ có khoa học kinh nghiệm của nông dân và nông nghiệp là chính.

Ở nước nào cũng vậy, dân tộc nào cũng vậy, để có được một cá nhân trí thức, một đội ngũ trí thức thì có vô vàn yếu tố mới tạo được: kinh tế xã hội, lịch sử, văn hoá, thể chất chủng tộc, và cả đặc điểm sinh học như là gien và gia đình, dòng họ, địa phương, quê hương... chẳng thế mà “Con vua thì lại làm vua” và “Con sãi ở chùa lại quét lá đa”. Nếu không có truyền thống gia đình để kế thừa thì dù ai cũng có “Một chút Rafaen” nhưng không phải ai cũng thành trí thức. Không có những yếu tố trên thì dù có được học đến đâu cũng không thể thành trí thức. Trong nhiều điều kiện để thành trí thức thì giáo dục và nền giáo dục của mỗi dân tộc là yếu tố quan trọng nhất để tạo nên đội ngũ trí thức.

Như trên đã nêu, nền giáo dục của nước ta trong lịch sử chủ yếu là Nho giáo và cho đến nay vẫn chưa thoát ra khỏi, mặc dù về hình thức có khác nhưng tâm lý, đạo đức, tư tưởng thì vẫn in rất sâu, rất đậm trong mọi ứng xử của xã hội hàng ngày. Kể cả những thế hệ sau này với những ai chưa bao giờ bước tới cửa Khổng sân Trình, một lần đọc Tam tự kinh.

Giáo dục của Nho giáo ít có mục đích để nhận thức và cải tạo xã hội mà nhằm khẳng định xã hội, phục vụ xã hội đã là khuôn vàng thước ngọc với quan hệ Tam cương, Ngũ thường với những quy định bất biến. Giáo dục cho con người nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thực hiện tốt nhất với những tam tông, tứ đức và trên hết là phục vụ cho giai cấp cầm quyền là các triều đại phong kiến, nghĩa là dạy con người, cho các trí thức làm đầy tớ mà không phải làm chủ bản thân mình, nói chi đến làm chủ và cải tạo thiên nhiên và xã hội. Với một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu và kéo dài, mọi thứ đều “on trời mưa nắng phải thì” con người phụ thuộc vào thiên nhiên, trí thức chủ yếu là kinh nghiệm được đúc rút qua nhiều thế hệ, trí thức trong suốt thời kỳ lịch sử phải nhồi nhét chủ yếu là Tứ thư, Ngũ kinh học tâm chương trích cú, thuộc và nhớ những giáo lý khô cứng, thiếu hơi thở của cuộc sống. Vì vậy, chúng ta có gần nghìn trang nguyên, thám hoa, bảng nhãn nhưng đất nước cứ nghèo, cứ lạc hậu.

Học để làm gì? Tri thức để làm gì? Để thoát khỏi làm ruộng, chân lấm tay bùn chứ không vì mục đích khoa học. Học vì “Trong sách có nhà vàng, có gái đẹp”, học để “Tiến vì quan, thoái vì sự”, trong hàng nghìn sinh đồ có một ít đồ đạt làm quan để “Vinh thân, phì gia” để “Trị quốc bình thiên hạ” đó là mục đích của trí thức. Tức là vì lợi chứ không vì khoa học. Vì vậy, nếu không đồ làm quan thì làm thầy thiên hạ. Không thầy đồ cũng thầy thuốc, cùng lắm là thầy cúng, thầy địa lý, thầy bói ít có một Galile một Copernic chỉ vì chân lý “Dù sao thì trái đất vẫn quay” để bước lên giàn hoả thiêu vì chân lý khoa học. Đến các bậc đại trí thức như: Nguyễn Bình Khiêm, cùng lắm cũng chỉ dăng “Thất trăm số” không được, quay về dạy học và ở ẩn là cùng. Mục đích của trí thức nước ta trong lịch sử với sự học của Nho giáo chủ yếu ngoài lợi ra thì danh là mục đích của nhiều người. Danh để khẳng định vị trí của mình trong xã hội, để làm rạng rỡ tổ tông, để có điều kiện kiếm lợi. Ý thức đó chi phối mọi hoạt động của trí thức Việt Nam. Bắt đầu là từ “Một miếng giữa làng hơn một sàng góc bếp”. Một người đại tài trên nhiều phương diện như Uy viễn tướng công Nguyễn Công Trứ cũng không thoát “Đã sinh ra đứng trong trời đất – Phải có danh gì với núi sông”. Một đại trí thức anh hùng như Phan Bội Châu trước khi trở thành “Vị thiên sứ của 25 triệu dân Việt Nam” cũng phải lập danh trước bằng đỗ đầu 3 kỳ thi rồi mới xuất dương tìm đường cứu nước. Những vấn đề đó trong lịch sử trí thức Việt Nam cốt nghĩa cho hiện tượng đến bây giờ vẫn có nhiều người chạy chọt, luồn lách để có tấm bằng nhưng với mục đích vụ lợi. Vì vậy bằng giả, học giả và bằng thật học giả tràn lan. Đến phó giáo sư cũng có rơm. Nên giáo dục nước ta bị khủng hoảng triền miên, thi cử nặng nề, nạn thành tích tràn lan không sao ngăn chặn nổi là vì vậy.

Nền giáo dục Nho giáo đào tạo nhiều thế hệ trí thức có đạo đức, có nhân cách, yêu nước nhưng thiếu bản lĩnh khoa học. Ngay tận thời cận đại, khi mà thế giới đã đạt đến đỉnh của khoa học thì trí thức Việt Nam vẫn cứ quanh quẩn trong cái vòng kim cô Nho giáo. Một Nguyễn Khuyến cũng chỉ biết cáo quan về ở ẩn đã là tấm gương đáng trân trọng, một Tú Xương sau 20 năm lận đận thi trượt cũng chỉ làm thơ chữ thi cử mà thôi. Giá mà ông thi đỗ thì sao? Thi đỗ, làm quan chắc không có nhà thơ kiệt xuất “Kìa ai chín tuổi xương không nát. Ất hẳn nghìn thu tiếng hã còn”. Rồi tận thế kỷ XIX có le lối vài người có tư tưởng và ý thức tìm tòi, cách tân như Nguyễn Trường Tộ. Nhưng nhìn chung tận thế kỷ XX mà trí thức ta vẫn chỉ có vậy.

Nền giáo dục trong lịch sử không dạy con người tri thức khoa học, không dạy con người nhận thức và cải tạo tự nhiên, nhận thức và cải tạo thế giới, cho nên sau nghìn năm chỉ đào tạo được một đội ngũ trí thức yếu ớt về đội ngũ dù là một nước có bề dày lịch sử, có nền văn hóa rực rỡ nhưng chỉ có khoa học xã hội mà chủ yếu là văn (gồm các yếu tố văn, triết, sử, địa) mà ngay văn thì cũng chủ yếu là văn vắn, tiểu thuyết chương hồi cũng tận thế kỷ XVIII mới có Nguyễn Khoa Chiêm. Sau đó mới có “Hoàng Lê Nhất thống chí” của Ngô Gia Văn phái, và cũng tận thế kỷ XX mới có tiểu thuyết hư cấu của Hoàng Ngọc Phách (Tố Tâm). Vắng bóng khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ. La Mã cổ đại đã biết dùng toán học, lượng giác để đo đạc đất đai và

tính khối lượng thì mãi đến tận thời ông trạng Lương Thế Vinh của ta mới biết dùng kinh nghiệm để cân trọng lượng của voi bằng cách cho voi xuống bè nửa lấy ngăn nước bị chìm để tính, đã là tài lắm rồi.

Thậm chí cả những ngành nghệ thuật gần với văn học như hội họa, kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật tạo hình chúng ta cũng vắng bóng.

Đó là đội ngũ trí thức trong lịch sử, trước thời kỳ hiện đại - Thế kỷ XX

Nêu lên những hiện tượng trên của đội ngũ trí thức và nền khoa học của ta trong lịch sử không phải để bôi bác hay hạ thấp vai trò của trí thức cha ông mà chúng tôi muốn đi tìm lịch sử và truyền thống cho đội ngũ trí thức ngày nay đang đối mặt với thế giới hiện đại.

Vậy đội ngũ trí thức của chúng ta hiện nay nhìn chung như thế nào (Nói hiện nay tức là ở thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI đang trực tiếp đối mặt với thời đại)?

Do điều kiện lịch sử thế giới mà thế kỷ XX đối với đội ngũ trí thức Việt Nam là một thế kỷ bản lề. Thế kỷ XX với công cuộc giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo kiệt xuất của Bác Hồ và Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nên Cách mạng Tháng 8. 1945 làm thay đổi triệt để và toàn diện xã hội Việt Nam, lật nhào chế độ phong kiến đã ngự trị hàng nghìn năm, xoá bỏ chế độ thực dân Pháp để tự chủ rồi kiêu hãnh nhập vào thế giới hiện đại để rồi kháng chiến chống Pháp và chống xâm lược Mỹ thắng lợi và xây dựng CNXH.

Đội ngũ trí thức Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thời cận đại cơ bản là của truyền thống để lại⁽¹⁾. Những gương mặt như Phan Đình Phùng, Phan Thanh Giản, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, ... Trên phương diện trí thức khoa học đã xuất hiện những Huỳnh Tịnh Của, Petrus Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... và càng về sau, khi Nguyễn Ái Quốc một đại trí thức, danh nhân văn hóa thế giới sau này, xuất hiện thì đội ngũ trí thức nước ta đã đông đảo hơn nhiều và phạm vi chiếm lĩnh khoa học của họ cũng rộng rãi và phong phú. Cách mạng tháng Tám thành công, với một loạt các nhà khoa học ở nước ngoài theo Bác Hồ về nước và những nhà trí thức theo cách mạng đã làm rạng rỡ đội ngũ trí thức Việt Nam và những đóng góp của họ cho đất nước là vô cùng to lớn! Những Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Xuân Hãn đến Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Đặng Thai Mai, Tôn Thất Tùng, Lương Định Của, Phạm Ngọc Thạch, Trần Văn Giàu... là những trí thức vẫn in đậm dấu vết của Nho giáo nhưng đã được học tập tư tưởng và khoa học mới của thời đại từ Châu Âu, từ văn hoá và khoa học Pháp trên tất cả khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, y học, kinh tế...⁽²⁾ Đội ngũ đó đã làm tròn sứ mạng lịch sử của mình, để lại một gia tài to lớn cho những thế hệ sau.

Thế hệ thứ 3 của đội ngũ trí thức Việt Nam là những người thuộc sản phẩm của chế độ Cộng hoà, sản phẩm của Cách mạng tháng Tám, được đào tạo trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ bao gồm cả thời kỳ quá độ tiến lên CNXH cho đến nay. Trong số đó kể cả những trí thức được chế độ cũ ở

Sài Gòn đào tạo nhưng một lòng phục vụ nhân dân. Sau 1975 ở lại và một số ra đi nay đã trở về. Thế hệ này đang là lực lượng chính, trụ cột của trí thức Việt Nam hiện nay, đang hoạt động xã hội, hoạt động khoa học trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đang điều hành đất nước và đang ở tuổi 50 – 70. Đội ngũ này khá đông đảo, xuất thân chủ yếu là con em nhân dân lao động, ít người là con cháu của tầng lớp quan lại chế độ cũ để lại, phần lớn họ là con em của chế độ mới được đào tạo dưới chế độ XHCN trong và ngoài nước. Sản phẩm của thời kỳ bao cấp và kế hoạch hoá của CNXH, do đó họ có những mặt mạnh và cả những khiếm khuyết của thời kỳ bao cấp để lại. Phần lớn thế hệ này sống và trưởng thành trọn vẹn trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong thời kỳ bao cấp của hợp tác xã ở miền Bắc. Gian khổ của chiến tranh, thiếu thốn và đói nghèo do chiến tranh gây ra và do những ấu trĩ ban đầu của CNXH tác động mạnh vào đời sống của họ. Phần lớn họ tham gia và lao động sáng tạo hoặc từ chiến trường trở về hoặc từ nước ngoài trở về dù ở đâu họ cũng đã từ cuộc sống mà ra, lăn lộn cùng nhân dân, cùng cuộc sống, bầm dập cùng cuộc sống nên họ không còn là các ông quan, xa rời cuộc sống như trong lịch sử của trí thức Việt Nam. Bên cạnh họ là nhiều trí thức Việt kiều yêu nước đã sống xa quê hương nhưng nhiều người luôn luôn gắn bó với đất nước và nhiều người trong số họ đã về trực tiếp lao động sáng tạo và đóng góp được nhiều trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Môi trường học tập và rèn luyện của họ có cả khắp nơi trên thế giới nhờ không khí và hơi thở của thời đại.

Tuy vậy, rất nhiều người trong số họ xuất thân là con em nông dân, là bộ đội, thanh niên xung phong họ không có được học vấn của truyền thống gia đình để lại như thế hệ thứ 2 thời cận đại... Và đến nay đã là những người đã có tuổi cao, sức lực và trí tuệ bị hạn chế trước thời đại của trí thức, của khoa học kỹ thuật, của hội nhập và toàn cầu hoá, do đó gánh nặng và trọng trách sẽ dồn vào vai thế hệ trí thức mới. Những người sinh ra sau năm 1975 con đẻ của thời đại mới, có điều kiện thuận lợi để hoà nhập với thời đại. Dĩ nhiên tâm lý, truyền thống và những hạn chế của lịch sử vẫn còn tác động nín kéo họ. Ai trong số đó tách ra, vượt lên được sẽ giành được ưu thế.

Chú thích

1. Khoa thi chữ Hán cuối cùng là vào năm 1918.
2. Trường đại học Đông Dương ra đời năm 1906. Đã giảng dạy nhiều bộ môn khoa học ngoài văn chương.